

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

Số: **03** /NHNN-TT

V/v thông báo DS mã BIN đã cấp
đến 31/12/2011 và đang được sử dụng.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày **03** tháng **01** năm **2012**

Kính gửi: Các Tổ chức phát hành thẻ

Thực hiện quy định tại Điều 10 Quy chế cấp, sử dụng và quản lý mã tổ chức phát hành thẻ ngân hàng (mã BIN) ban hành kèm theo Quyết định số 38/2007/QĐ-NHNN ngày 30/10/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc định kỳ công bố danh mục mã BIN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) cấp trên trang thông tin điện tử của NHNN <http://www.sbv.gov.vn>, nay, NHNN hệ thống lại Danh sách mã BIN đã cấp đến ngày 31/12/2011 và đang được sử dụng (trong Phụ lục đính kèm Công văn).

Đề nghị các tổ chức phát hành thẻ đối chiếu và sử dụng đúng quy định.

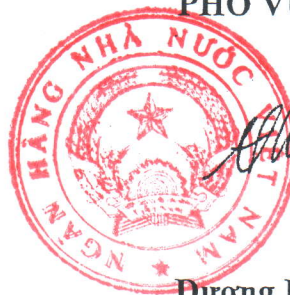
Nơi nhận:

- Như trên;
- PTĐ Nguyễn Toàn Thắng (để b/c);
- Lưu VP, VT, TT2.

Đính kèm:

- DS mã BIN đã cấp đến ngày 31/12/2011 và đang được sử dụng .

**TL. THỐNG ĐỐC
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ THANH TOÁN
PHÓ VỤ TRƯỞNG**



Đương Hồng Phương

Danh sách mã BIN đã cấp đến ngày 31/12/2011 và đang được sử dụng

(Đính kèm Công văn số **03** /NHNN-TT ngày **03/1/2012** của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

STT	Tên Tổ chức phát hành thẻ	Mã BIN
1	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương	970400
2	Ngân hàng Phát triển nhà Đồng bằng Sông Cửu Long	970401
3	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín	970403
4	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	970405
5	Ngân hàng TMCP Đông Á	970406
6	Ngân hàng TMCP Kỹ thương	970407
7	Ngân hàng TMCP Dầu Khí Toàn Cầu	970408
8	Ngân hàng TMCP Bắc Á	970409
9	Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered	970410
10	Ngân hàng TMCP Phương Tây	970412
11	Ngân hàng TMCP Đại Dương	970414
12	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	970415
13	Ngân hàng TMCP Á Châu	970416
14	Ngân hàng TMCP Phương Nam	970417
15	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	970418
16	Ngân hàng TMCP Nam Việt	970419
17	Ngân hàng TMCP Đại Á	970420
18	Ngân hàng liên doanh Việt Nga	970421
19	Ngân hàng TMCP Quân Đội	970422
20	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	970423
21	Ngân hàng liên doanh Shinhanvina	970424
22	Ngân hàng TMCP An Bình	970425
23	Ngân hàng TMCP Hàng Hải	970426
24	Ngân hàng TMCP Việt Á	970427
25	Ngân hàng TMCP Nam Á	970428



26	Ngân hàng TMCP Sài Gòn (*)	970429, 970450
27	Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	970430
28	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	970431
29	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	970432
30	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	970433
31	Ngân hàng TNHH Indovina	970434
32	Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	970435
33	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	970436
34	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP.HCM	970437
35	Ngân hàng TMCP Bảo Việt	970438
36	Ngân hàng liên doanh VID PUBLIC BANK	970439
37	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	970440
38	Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	970441
39	Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam	970442
40	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	970443
41	Ngân hàng TMCP Đại Tín	970444
42	Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội	970445
43	Quỹ Tín dụng nhân dân Trung ương	970446
44	Ngân hàng TMCP Phương Đông	970448
45	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (**)	970449, 970402
46	Ngân hàng TMCP Phát triển Mê Kông	970451
47	Ngân hàng TMCP Kiên Long	970452

Ghi chú:

(*): Ngân hàng TMCP Sài Gòn được hợp nhất từ 03 ngân hàng TMCP: Sài Gòn (970429), Đệ Nhất (970450) và Việt Nam Tín Nghĩa theo Quyết định số 2716/QĐ-NHNN của Thống đốc NHNN ngày 26/12/2011.

(**): Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt được hình thành từ việc sáp nhập Ngân hàng TMCP Liên Việt (970449) với Công ty Dịch vụ tiết kiệm bưu điện (970402).